

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2024

**Kính gửi :** CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH ĐỒNG NAI

**THÔNG BÁO**

V/v: Điều chỉnh thông tin dinh dưỡng, vi sinh hồ sơ tự công bố Đường Đen.

- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 của Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa.
- Căn cứ hồ sơ tự công bố số 18/BHC/2022 -B cho sản phẩm ĐƯỜNG ĐEN quy cách 1 kg công bố ngày 05.03.2022 và các thông báo điều chỉnh (thông báo số 319/2023/TB-BHC ngày 17/05/2023 điều chỉnh thông tin công bố và nhãn; Thông báo số 1255/2023/TB-BHC ngày 18.12.2023 về điều chỉnh thông tin công bố và nhãn).
- Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ – CP sửa đổi bổ sung NĐ 43/2017/ NĐ – CP ngày 14.04.20217 của chính phủ về nhãn hàng hóa..
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 về việc thi thành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ thông tư 17/2022/TT – BYT hiệu lực từ ngày 09.11.2023.

Sản phẩm “ĐƯỜNG ĐEN ” đã được CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA tự công bố với số thứ tự công bố sản phẩm là 18/BHC/2022 – B, và thông báo số 319/2023/TB-BHC ngày 17/05/2023 và thông báo số 1255/2023/TB-BHC ngày 18.12.2023 điều chỉnh thông tin công bố và nhãn.

Căn cứ theo điểm a khoản 2 điều 7 thông tư 17/2022/TT-BYT hiệu lực từ ngày 09/11/2023 đã bãi bỏ mục 6.8 trong quyết định 46/2007/QĐ quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong gia vị và nước chấm, quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Nay công ty chúng tôi có nhu cầu điều chỉnh tự công bố về chỉ tiêu dinh dưỡng và vi sinh để phù hợp với thông tư 17/2022/TT-BYT vừa ban hành như sau:

**1.1 Thông tin dinh dưỡng :**

| Mục | Thông tin công bố cũ<br>(thông báo số 319/2023/TB-BHC ngày 17/05/2023<br>điều chỉnh thông tin công bố và nhãn) |                            |                |                | Thông tin công bố điều chỉnh     |                            |                |                |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------|----------------|----------------------------------|----------------------------|----------------|----------------|
| 4.3 | 4.3 Thông tin dinh dưỡng (/100g)                                                                               |                            |                |                | 4.3 Thông tin dinh dưỡng (/100g) |                            |                |                |
|     | Stt                                                                                                            | Chỉ tiêu                   | Đơn vị<br>tính | Mức<br>công bố | Stt                              | Chỉ tiêu                   | Đơn vị<br>tính | Mức<br>công bố |
|     | 1                                                                                                              | Năng lượng                 | kcal           | ≥ 392,5        | 1                                | Năng lượng                 | kcal           | ≥ 392,5        |
|     | 2                                                                                                              | Hàm lượng<br>hydrat carbon | g              | ≥ 98,3         | 2                                | Hàm lượng<br>hydrat carbon | g              | ≥ 98,3         |
|     | 3                                                                                                              | Chất đạm                   | g              | 0              |                                  |                            |                |                |
|     | 4                                                                                                              | Chất béo                   | g              | 0              |                                  |                            |                |                |

### 1.2 Thông tin vi sinh :

Bỏ thông tin vi sinh phù hợp QĐ 46/2007/QĐ – BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm ở mục 2 phần IV : Yêu cầu về an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó các chỉ tiêu vi sinh ở mục 2 đã công bố công ty chúng tôi vẫn giữ lại để kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Đính kèm là bản hồ sơ tự công bố cập nhật tất cả các thay đổi.

Công ty chúng tôi cam kết các thông tin công bố là chính xác, thể hiện đúng về sản phẩm theo các văn bản quy định và hướng dẫn của Luật.

Kính thông báo đến Quý cơ quan và Khách hàng nội dung thay đổi nêu trên.

Trân trọng.



**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 18/BHC/2022 - B**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA  
Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH,  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213  
E-mail: [ttcagris.com.vn](mailto:ttcagris.com.vn)  
Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo điểm k, Điều 12, Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Do cơ sở đã có giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN010212/1 được cấp lần đầu ngày 24.02.2014 và hiệu lực tới hiện tại.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:**

**ĐƯỜNG ĐEN**

**2. Thành phần:** Đường mía (93,7 %), mật mía, màu thực phẩm nhân tạo (INS 150a).

**3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm:** Hạn sử dụng 15 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: túi 1 kg.
- Chất liệu bao gói: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng phức hợp Veloflex/LLDPE; PA/LLDPE; PET/PE/LDPE hoặc OPP/PE/LDPE đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**5. Xuất xứ:** sản xuất tại Việt Nam

**6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**6.1 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng**

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

**Địa chỉ:** Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**6.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:**

**Tên cơ sở:** CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

**Địa chỉ cơ sở:** Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| Stt | Chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|---------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng Chì       | mg/kg       | 0.5        |
| 2   | Hàm lượng Thủy Ngân | mg/kg       | 0.05       |
| 3   | Hàm lượng Cadimi    | mg/kg       | 1          |
| 4   | Hàm lượng Asen      | mg/kg       | 1          |

2. **Vi sinh:**

| Stt | Chỉ tiêu                        | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|-----|---------------------------------|-------------|-----------------|
| 1   | Tổng số VSV hiếu khí            | Cfu/g       | 10.000          |
| 2   | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | Cfu/g       | 100             |
| 3   | Coliform                        | Cfu/g       | 100             |
| 4   | E. coli                         | MPN/g       | 3               |
| 5   | S. aureus                       | Cfu/g       | 100             |
| 6   | Salmonella                      | Spp/25g     | Không phát hiện |

3. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

**4.1 Chỉ tiêu cảm quan:**

- Trạng thái: Sản phẩm đường dạng hạt, được bao phủ một lớp mật xung quanh, tạo nên độ kết dính nhất định giữa các tinh thể.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, mùi mật mía, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu nâu đậm.

**4.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

| Stt | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|----------------------|-------------|-------------|
| 1   | Hàm lượng saccharose | %           | ≥ 90        |

*W*

#### 4.3 Thông tin dinh dưỡng (/100 g)

| Stt | Chỉ tiêu                | Đơn vị tính | Mức công bố  |
|-----|-------------------------|-------------|--------------|
| 1   | Năng lượng              | kcal        | $\geq 392.5$ |
| 2   | Hàm lượng hydrat cacbon | g           | $\geq 98.3$  |

#### 4.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện- yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO<sub>2</sub>

| Stt | Chỉ tiêu                  | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|---------------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng SO <sub>2</sub> | mg/kg       | < 10       |

- 5 **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản hoặc trưng bày nơi khô ráo thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.
- 6 **Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp trong chế biến thức ăn, thức uống...
- 7 **Lưu ý an toàn thực phẩm:** Chỉ bảo quản trong các loại bao bì an toàn cho thực phẩm, sạch và kín,...Tránh nắng chiếu trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 1 năm 2024

**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**



*Phan Minh Nhật*

